



Centers for Disease Control and Prevention
CDC 24/7: Saving Lives, Protecting People™

Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)



Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Trang web này được cập nhật thường xuyên. Một số nội dung có thể còn bằng tiếng Anh cho đến khi được dịch hết.

Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Cập nhật ngày 25 tháng 8 năm 2020 [ln](#)

TỔNG SỐ CA BỆNH

5,715,567

33,076 Số ca bệnh mới*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

176,617

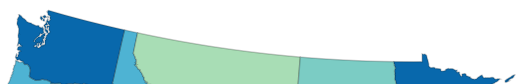
394 Số Ca Tử Vong Mới*

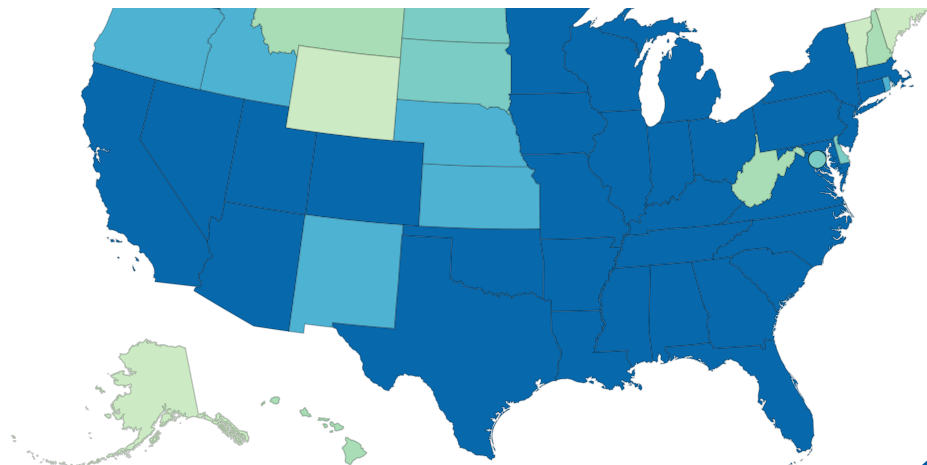


Trang này được cập nhật hàng ngày dựa trên dữ liệu được xác nhận lúc 4:00 giờ chiều giờ miền Đông vào ngày hôm trước.

Số ca bệnh theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca bệnh được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.





AS GU MH FM MP PW PR VI



Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

☐ 0 đến 1.000 ☐ 1,001 đến 5,000 ☐ 5,001 đến 10,000 ☐ 10,001 đến 20,000

☐ 20,001 đến 40,000 ☐ 40.001 trở lên

Khu vực phân quyền			
Khu Vực Phân Quyền	Số Ca Bệnh Đã Xác N	Số Ca Bệnh Có Thể Có	Tổng Số Ca
☐ Alabama	110,769	5,941	116,710
☐ Alaska	N/A	N/A	4,810
☐ American Samoa	N/A	N/A	0
☐ Arizona	196,821	1,593	198,414
☐ Arkansas	N/A	N/A	56,894
☐ California	N/A	N/A	668,615
☐ Colorado	51,676	3,665	55,341
☐ Connecticut	49,940	2,071	52,011
☐ Delaware	15,960	1,002	16,962
☐ Washington D.C.	N/A	N/A	13,639
☐ Florida	N/A	N/A	596,511
☐ Georgia	N/A	N/A	256,253
☐ Guam	N/A	N/A	984
☐ Hawaii	N/A	N/A	6,268
☐ Idaho	27,989	2,081	30,070
☐ Illinois	221,790	1,417	223,207
☐ Indiana	N/A	N/A	87,592
☐ Iowa	N/A	N/A	56,631
☐ Kansas	37,401	1,000	38,401
☐ Kentucky	40,493	3,406	43,899
☐ Louisiana	N/A	N/A	143 566

☐ Connecticut	3,920	449	4,369
☐ Maine	3,920	449	4,369
☐ Marshall Islands	N/A	N/A	0
☐ Maryland	N/A	N/A	105,046
☐ Massachusetts	116,421	9,418	125,839
☐ Michigan	97,660	10,026	107,686
☐ Micronesia	N/A	N/A	0
☐ Minnesota	N/A	N/A	70,707
☐ Mississippi	75,571	2,834	78,405
☐ Missouri	N/A	N/A	75,944
☐ Montana	6,623	0	6,623
☐ Nebraska	N/A	N/A	32,047
☐ Nevada	N/A	N/A	66,275
☐ New Hampshire	N/A	N/A	7,134
☐ New Jersey	N/A	N/A	189,719
☐ New Mexico	N/A	N/A	24,469
☐ New York	N/A	N/A	431,335
☐ North Carolina	N/A	N/A	156,396
☐ North Dakota	N/A	N/A	10,229
☐ Northern Marianas	54	0	54
☐ Ohio	109,566	6,085	115,651
☐ Oklahoma	53,515	4,573	58,088
☐ Oregon	25,155	0	25,155
☐ Palau	N/A	N/A	0
☐ Pennsylvania	125,822	3,652	129,474
☐ Puerto Rico	13,992	16,728	30,720
☐ Rhode Island	N/A	N/A	21,302
☐ South Carolina	111,202	1,349	112,551
☐ South Dakota	N/A	N/A	11,425
☐ Tennessee	141,591	3,013	144,604
☐ Texas	N/A	N/A	580,384
☐ Utah	49,636	417	50,053
☐ Vermont	N/A	N/A	1,566
☐ Virgin Islands	N/A	N/A	998
☐ Virginia	109,680	4,956	114,636
☐ Washington	N/A	N/A	71,371
☐ West Virginia	9,137	175	9,312
☐ Wisconsin	70,854	4,765	75,619
☐ Wyoming	3,068	535	3,603

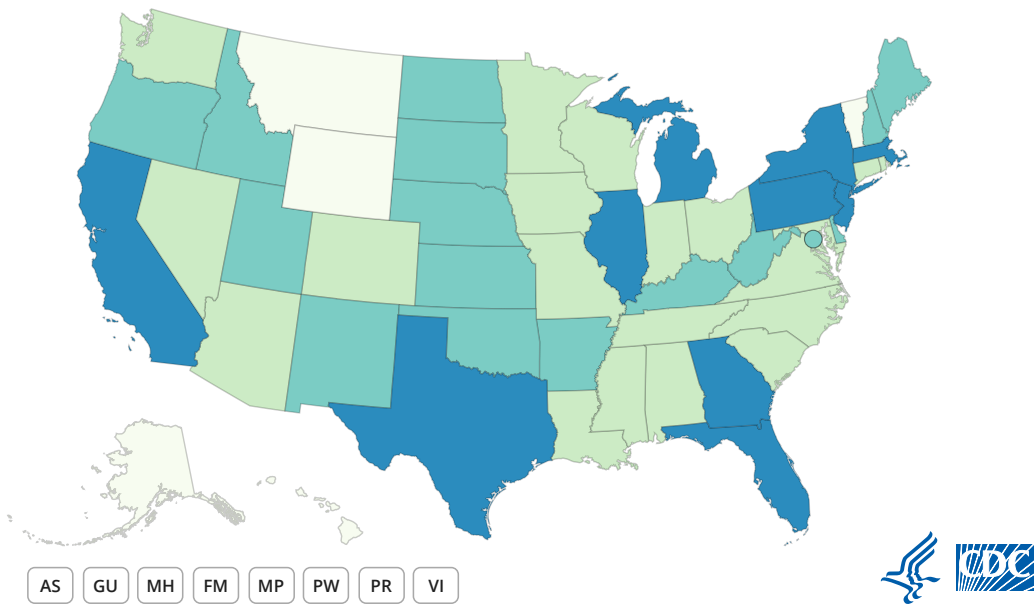
New York State's case and death counts do not include New York City's counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ
vào Trang Web của Quý
Vị

Số ca tử vong theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca tử vong được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



Số ca tử vong đã báo cáo

☐ 0 to 100 ☐ 1,001 to 5,000 ☐ 101 to 1,000 ☐ 5,001 trở lên

Khu vực phân quyền			
Khu Vực Phân Quyền	Số Tử Vong Đã Xác N	Số Tử Vong Có Thể Có	Tổng Số Tử Vong
☐ Alabama	1,950	74	2,024
☐ Alaska	N/A	N/A	32
☐ American Samoa	N/A	N/A	0
☐ Arizona	4,514	257	4,771

☐ Arkansas 	N/A	N/A	696
☐ California 	N/A	N/A	12,152
☐ Colorado 	1,574	345	1,919
☐ Connecticut 	3,574	886	4,460
☐ Delaware 	532	72	604
☐ Washington D.C. 	N/A	N/A	604
☐ Florida 	N/A	N/A	10,397
☐ Georgia 	N/A	N/A	5,156
☐ Guam 	N/A	N/A	7
☐ Hawaii 	N/A	N/A	49
☐ Idaho 	285	29	314
☐ Illinois 	7,888	209	8,097
☐ Indiana 	3,008	217	3,225
☐ Iowa 	N/A	N/A	1,044
☐ Kansas 	N/A	N/A	426
☐ Kentucky 	879	6	885
☐ Louisiana 	4,623	141	4,764
☐ Maine 	N/A	N/A	131
☐ Marshall Islands 	N/A	N/A	0
☐ Maryland 	3,564	143	3,707
☐ Massachusetts 	8,717	232	8,949
☐ Michigan 	6,397	266	6,663
☐ Micronesia 	N/A	N/A	0
☐ Minnesota 	1,779	49	1,828
☐ Mississippi 	2,147	101	2,248
☐ Missouri 	N/A	N/A	1,426
☐ Montana 	97	0	97
☐ Nebraska 	N/A	N/A	383
☐ Nevada 	N/A	N/A	1,230
☐ New Hampshire 	N/A	N/A	429
☐ New Jersey 	14,120	1,829	15,949
☐ New Mexico 	N/A	N/A	747
☐ New York 	N/A	N/A	32,599
☐ North Carolina 	N/A	N/A	2,535
☐ North Dakota 	N/A	N/A	138
☐ Northern Marianas 	2	0	2
☐ Ohio 	3,705	281	3,986
☐ Oklahoma 	730	0	730
☐ Oregon 	120	0	120

☐ Alaska	720	0	720
☐ Palau	N/A	N/A	0
☐ Pennsylvania	N/A	N/A	7,579
☐ Puerto Rico	256	139	395
☐ Rhode Island	N/A	N/A	1,035
☐ South Carolina	2,387	124	2,511
☐ South Dakota	159	2	161
☐ Tennessee	1,547	41	1,588
☐ Texas	N/A	N/A	11,395
☐ Utah	393	0	393
☐ Vermont	N/A	N/A	58
☐ Virgin Islands	N/A	N/A	12
☐ Virginia	2,371	124	2,495
☐ Washington	N/A	N/A	1,867
☐ West Virginia	N/A	N/A	179
☐ Wisconsin	1,081	8	1,089
☐ Wyoming	37	0	37

New York State’s case and death counts do not include New York City’s counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ
vào Trang Web của Quý
Vị

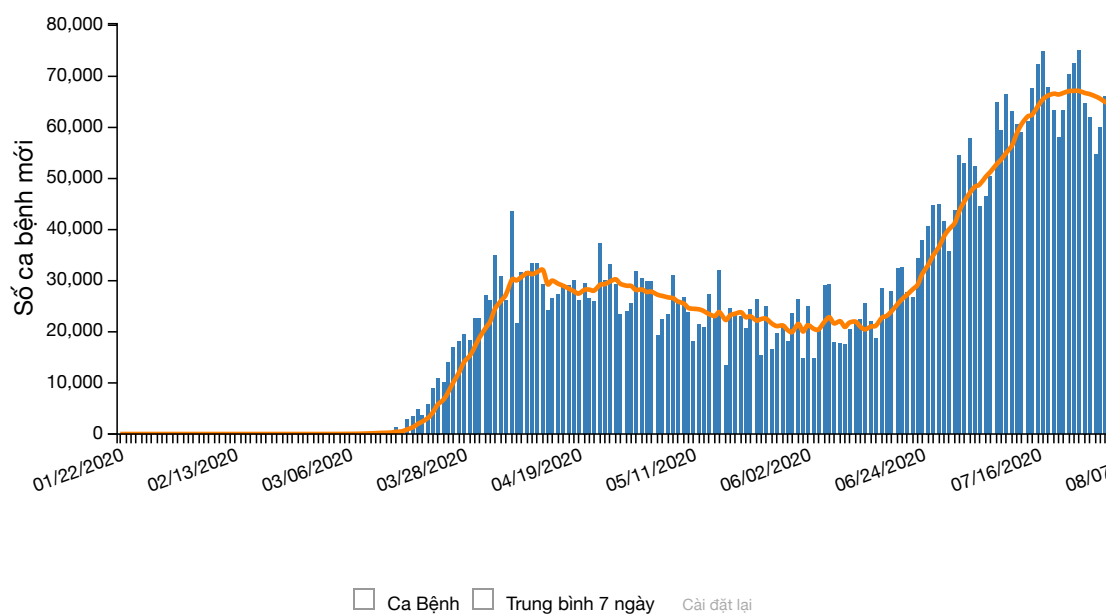
Số ca bệnh và tử vong theo quận

Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ [USAfacts.org](#)

Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây cho thấy số ca bệnh COVID-19 mới được báo cáo mỗi ngày ở Hoa Kỳ kể từ khi bắt đầu bùng phát. Di chuột qua các thanh để xem số ca bệnh mới theo ngày.



Trung bình 7 ngày của các ca bệnh mới (ngày hiện tại + 6 ngày trước đó / 7) được tính toán để làm tròn các thay đổi dự kiến trong số đếm hàng ngày.

Xem dữ liệu

	01/22/2020	01/23/2020	01/24/2020	01/25/2020	01/26/2020	01/27/2020
Ca Bệnh	1	0	1	0	3	0
Trung bình 7 ngày	0	0	0	0	1	1

Cuộn để xem thông tin bổ sung

Số ca bệnh và tử vong trong nhân viên chăm sóc y tế

Dữ liệu được thu thập từ 4.296.060 người, nhưng tình trạng nhân viên chăm sóc y tế chỉ có sẵn cho 965.329 (22,5%) người. Trong số 143.743 ca mắc COVID-19 trong lực lượng nhân viên chăm sóc y tế, số liệu tử vong chỉ có sẵn cho 100.939 (70,2%).

SỐ CA BỆNH TRONG LỰC LƯỢNG HCP	SỐ CA TỬ VONG TRONG LỰC LƯỢNG HCP
143.743	660

Dữ liệu trước đây

CDC đã chuyển các thông tin sau sang trang [Dữ liệu về số ca bệnh COVID-19 trước đây ở Hoa Kỳ](#).

- Cấp độ lây truyền cộng đồng theo khu vực phân quyền - cập nhật lần cuối ngày 18 tháng 5 năm 2020
- Tổng số ca bệnh theo ngày - cập nhật lần cuối ngày 28 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo nguồn phơi nhiễm - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo ngày bắt đầu bệnh - cập nhật lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2020

Thông Tin Thêm

[COVIDView - Tóm Tắt Giám Sát Hàng Tuần về Hoạt Động Ứng Phó COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Dữ Liệu Xét Nghiệm tại Hoa Kỳ](#)

[Sở Y Tế](#)

Cập nhật lần cuối ngày 25 tháng 8 năm 2020

Nguồn nội dung: [Trung Tâm Quốc Gia về Chứng Ngừa và Bệnh Hô Hấp \(NCIRD\)](#), [Phân Ban Bệnh Do Vi-rút](#)